

**CÔNG TY TNHH VẬN TẢI LIÊN VIỆT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI LIÊN VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIEN VIET TRANSPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109367535

**3. Ngày thành lập:** 06/10/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Ngọc Chi, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>( loại trừ đấu giá)<br>Chi tiết:<br>-Đại lý bán hàng hóa<br>-Môi giới mua bán hàng hóa                            | 4610     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                    | 4641     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                      | 4649     |
| 4.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                     | 4651     |
| 5.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>( trừ thiết bị thu phát sóng)                                                                     | 4652     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                  | 4653     |
| 7.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>(trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)                                                               | 4659     |
| 8.  | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại nhà nước cấm)                                                                                                        | 4690     |
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>-Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>-Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) | 4719     |
| 10. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                  | 4741     |
| 11. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                         | 4751     |
| 12. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                    | 4752     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                            | 4753        |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4759        |
| 15. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                       | 4771        |
| 16. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>( loại trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                  | 4774        |
| 17. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                               | 4782        |
| 18. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4784        |
| 19. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>( không bao gồm hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                       | 4789        |
| 20. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>( loại trừ đấu giá)<br>Chi tiết:<br>-Hoạt động thương mại điện tử                                                                                                                                                                                           | 4791        |
| 21. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>( loại trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                    | 4799        |
| 22. | Vận tải hành khách đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4911        |
| 23. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4912        |
| 24. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                    | 4931        |
| 25. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>-Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô tuyến cố định<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt<br>- Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>- Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng<br>- Kinh doanh vận chuyển hành khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |
| 26. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933(Chính) |
| 27. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5012        |
| 28. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5022        |
| 29. | Vận tải hàng hóa hàng không                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5120        |
| 30. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                       | 5210        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                               | 5221        |
| 32. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                              | 5222        |
| 33. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5224        |
| 34. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                | 5225        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>( trừ tổ chức hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển hoặc đường không;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động của các đại lý vận tải hàng hóa đường biển và hàng không;<br>- Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa | 5229 |
| 36. | Chuyển phát<br>Chi tiết:<br>- Cung ứng dịch vụ bưu chính trong phạm vi nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5320 |
| 37. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7729 |
| 38. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết:<br>-Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển<br>-Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển<br>-Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                              | 7730 |
| 39. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8292 |
| 40. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>-xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên:

Giới tính:

Sinh ngày:

Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Thời gian đăng từ ngày 06/10/2020 đến ngày 05/11/2020

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM MINH TUẤN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *07/01/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *111363183*

Ngày cấp: *12/10/2013*

Nơi cấp: *Công an Thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thái Khê, Xã Cấn Hữu, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Thái Khê, Xã Cấn Hữu, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội